

TRỤC THẲNG CÓ 1 ĐẦU REN TRONG, CÓ Rãnh THEN

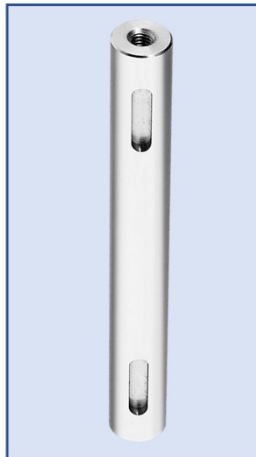
STRAIGHT SHAFT - ONE END FEMALE THREAD - KEYWAY



Mã đặt hàng/Order

Mã Loại Type code	- D	- L	- M	- RX	- X	- RP	- P	- RT	- T	-
										A
										B
										C

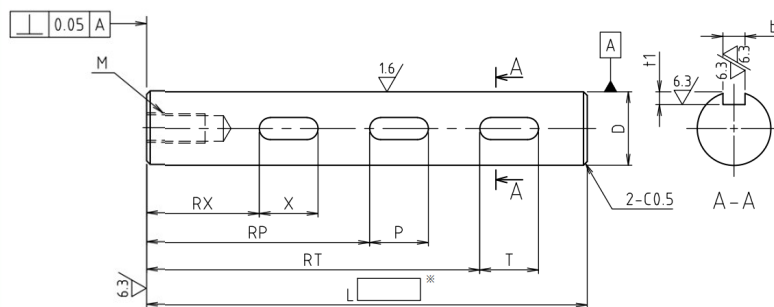
EX: SAKS - D25 - L300 - M8 - RX10 - X10 - RP90 - P30 - RT210 - T15 - A



Thông số kích thước có thể tùy chỉnh

Dimensions can be customized

Kích thước then tra cứu ở bảng 1 trang 35



Loại Type	Vật liệu Materials	Độ cứng Hardness	Xử lý bề mặt Surface Treatment
SAKS	T.Đường SUJ2 SUJ2 Equiv.	55-62 HRC	Mạ Crom cứng HCr Hard Chrome Plating
CSAKS	S45C		
SSAKS	SUS304		

Loại <i>Type</i>	Đường kính <i>Diameter</i>				L (Gia số 1mm) <i>(1mm Increment)</i>	M	RX, X	RP, P	RT,T
	Dung sai <i>Tolerance</i> D	g6		h7					
		SUJ2	S45C	SUS304					
SAKS CSAKS SSAKS	10	○	○	○	25-800	3 – 6	0 ≤ RX+X ≤ L b ≤ X ≤ 100	0 ≤ RP+P ≤ L b ≤ P ≤ 100	0 ≤ RT+T ≤ L b ≤ T ≤ 100
	12	○	○	○	25-1000	4 – 8			
	13		○			4 – 10			
	15			○					
	16	○	○		25-1500				
	20	○	○	○		4 – 12			
	25	○	○	○		4 – 16			
	30	○	○			4 – 20			

Các kích thước không đề cập dung sai vui lòng tra dung sai tiêu chuẩn ở bảng 2 trang 1.

The dimensions not mentioned the tolerances please refer to the standard tolerance in table 2 page 1.



GIAO HÀNG NHANH CHÓNG
DELIVERY AS SOON AS POSSIBLE



DUNG SAI TÙY CHỈNH
REQUIRED TOLERANCE

Kích thước tùy chỉnh L Customized length L	Dung sai yêu cầu	Dung sai Tolerance	Áp dụng cho L Apply to L
	A	± 0.03	$L \leq 600$
	B	± 0.05	$L \leq 800$
	C	± 0.1	$L \leq 1000$

✳ Có thể yêu cầu dung sai cho kích thước này. (You may specify the tolerance based on this dimension)